

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

Chỉ số Vn-Index tăng điểm trước thông tin từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu nửa đầu tháng 10/2021 đạt 13.2 tỷ USD, tăng 3% so với cùng kỳ

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL đóng cửa đi ngang phiên hôm nay với diễn biến giằng co trong phiên, tương đồng với diễn biến ở thị trường cơ sở

## [Cập nhật công ty]

HPG, DPM

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị nắm giữ vị thế trung hạn và có thể gia tăng tích lũy 1 phần vị thế trading ngắn hạn khi chỉ số về lại vùng hỗ trợ.

22/10/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,389.24	+0.32
VN30	1,488.71	-0.04
HĐTL VN30F1M	1,492.00	+0.19
HNXIndex	391.21	+0.71
HNX30	610.81	+0.63
UPCoM	100.36	+0.59
USD/VND	22,755	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.15	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.63	+7
Dầu (WTI, \$)	82.68	+0.22
Vàng (LME, \$)	1,791.31	+0.47



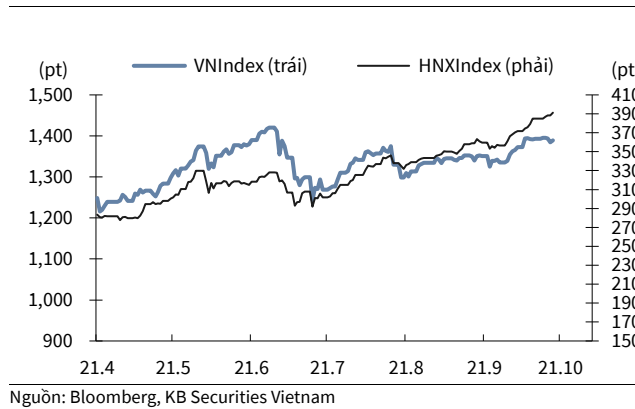
# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,389.24 (+0.32%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>798.1 (+21.1%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>947.5 (+2.6%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>391.21 (+0.71%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>156.1 (+20.4%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>128.3 (+33.5%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>100.36 (+0.59%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>170.8 (+104.6%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>101.4 (+43.4%)</b>

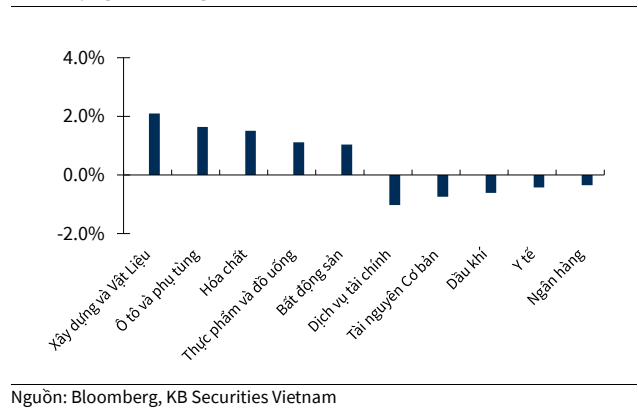
Chỉ số Vn-Index tăng điểm trước thông tin từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu nửa đầu tháng 10/2021 đạt 13.2 tỷ USD, tăng 3% so với cùng kì. Dự án Đầu tư xây dựng Cảng hàng không Sa Pa, tỉnh Lào Cai theo hình thức đối tác công tư (PPP) vừa được chấp thuận chủ trương đầu tư với tổng mức đầu tư của dự án gần 7,000 tỷ đồng giúp cổ phiếu hàng không tăng giá ở ACV (+0.3%). Cổ phiếu ngành dệt tăng giá NDT (+8.9%), STK (+5.6%) sau khi Tổng cục Hải quan công bố kim ngạch xuất khẩu xơ, sợi dệt từ 1-15/10 đạt 213.4 triệu USD, tăng 25% so với cùng kì. Giá dầu giảm sau khi cơ quan Khí tượng và Đại dương Quốc gia Mỹ (NOAA) dự báo mùa đông tại phần lớn Mỹ có thể ấm hơn bình thường khiến cổ phiếu dầu khí giảm giá ở BSR (-1.7%), PLX (-1.1%). Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng ở NLG (+6.3%), PAN (-2%), DPM (-1%).

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -11.4**

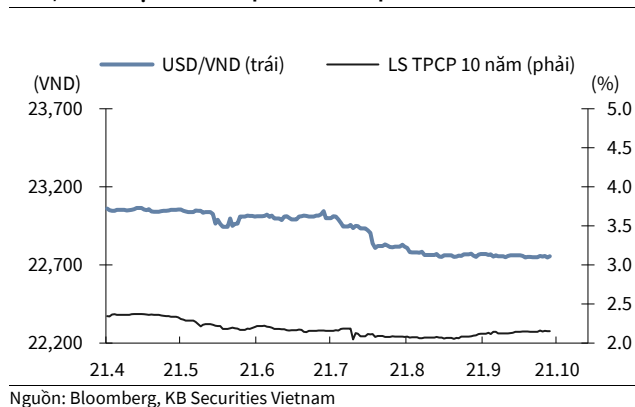
## VNIndex & HNXIndex



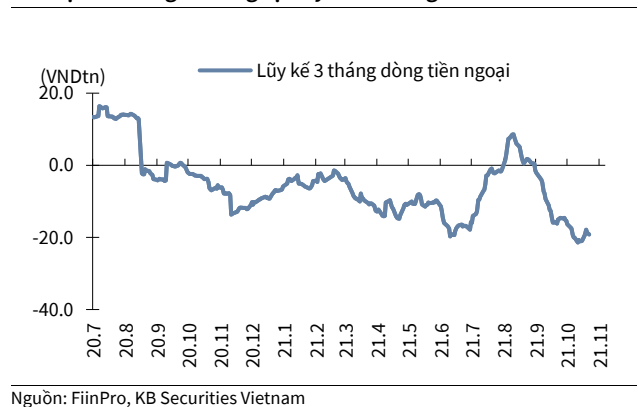
## Biến động nhóm ngành



## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng

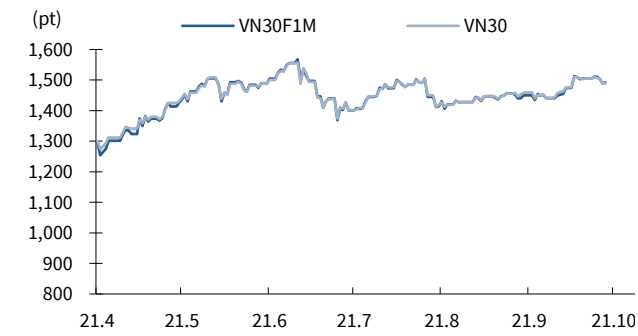


# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

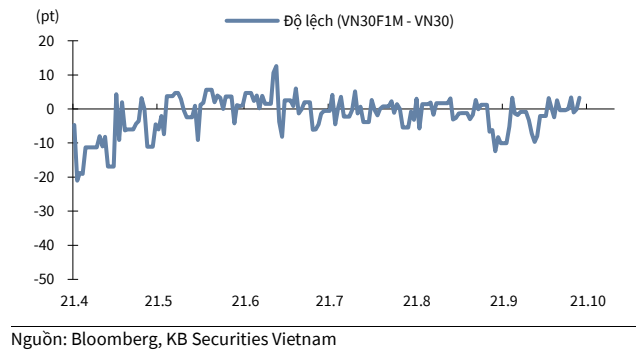
<b>VN30</b>	<b>1,488.71 (-0.04%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,492.0 (+0.19%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,495.2</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,496.9</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,485.3</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>118,958 (-21.4%)</b>

HĐTL đóng cửa đi ngang phiên hôm nay với diễn biến giằng co trong phiên, tương đồng với diễn biến ở thị trường cơ sở. Chênh lệch F2111 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức 7.24 điểm cao nhất ngày, sau đó chủ yếu biến động với biên độ âm trong suốt phiên, và bất ngờ đảo chiều vào cuối phiên đóng cửa ở mức 3.29 điểm. Khối ngoại mua ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường giảm.

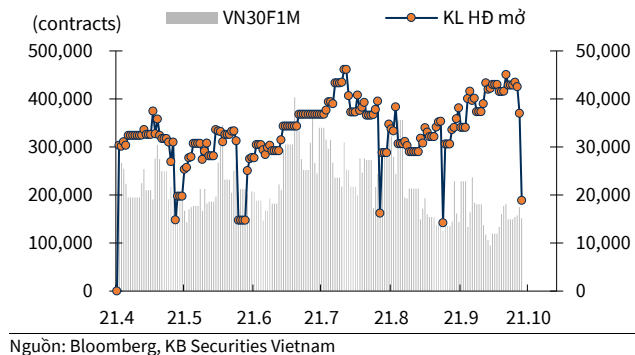
## HĐTL VN30F1M & VN30



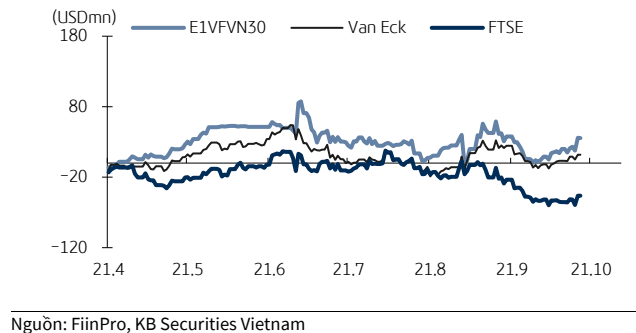
## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở

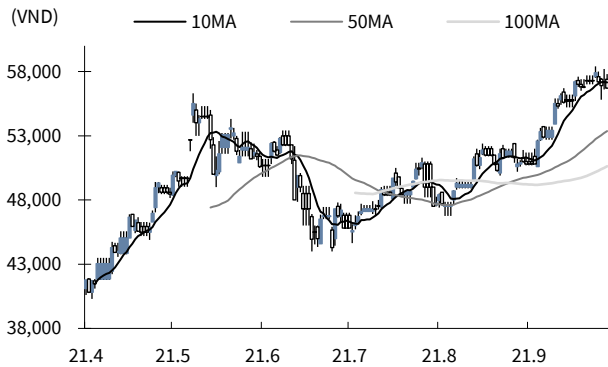


## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



# Thông tin doanh nghiệp

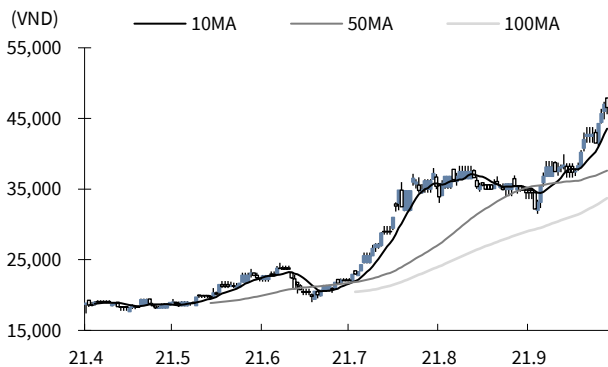
## CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG giảm 0.87% xuống 56,700 VND/cp
- Tập đoàn Hòa Phát thông báo lợi nhuận quý 3/2021 đạt 10,350 tỷ đồng, gấp 2.7 lần so với cùng kỳ năm trước – đây là mức cao kỷ lục trong lịch sử với doanh thu đạt 38,900 tỷ đồng (+56% YoY).
- Lũy kế 9 tháng, doanh nghiệp ghi nhận lợi nhuận 27,100 tỷ đồng (+200% YoY) và doanh thu 105,800 tỷ đồng (+60% YoY), vượt 45% kế hoạch lợi nhuận năm.

## Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (DPM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DPM giảm 0.96% xuống 46,550 VND/cp
- Đạm Phú Mỹ công bố BCTC hợp nhất quý III với lợi nhuận sau thuế đạt 759 tỷ đồng (+246% YoY) và doanh thu tăng 44.5% lên 2,824 tỷ đồng. Doanh nghiệp cho biết giá bán và sản lượng kinh doanh mặt hàng phân bón trong quý cùng tăng so với cùng kỳ năm trước thúc đẩy doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng.
- Giá phân bón ure Phú Mỹ bình quân hiện ở mức 835,000 đồng mỗi bao 50 kg, gấp 2.3 lần đầu năm và giá NPK Phú Mỹ 665,000 đồng mỗi bao (+43% YTD).

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



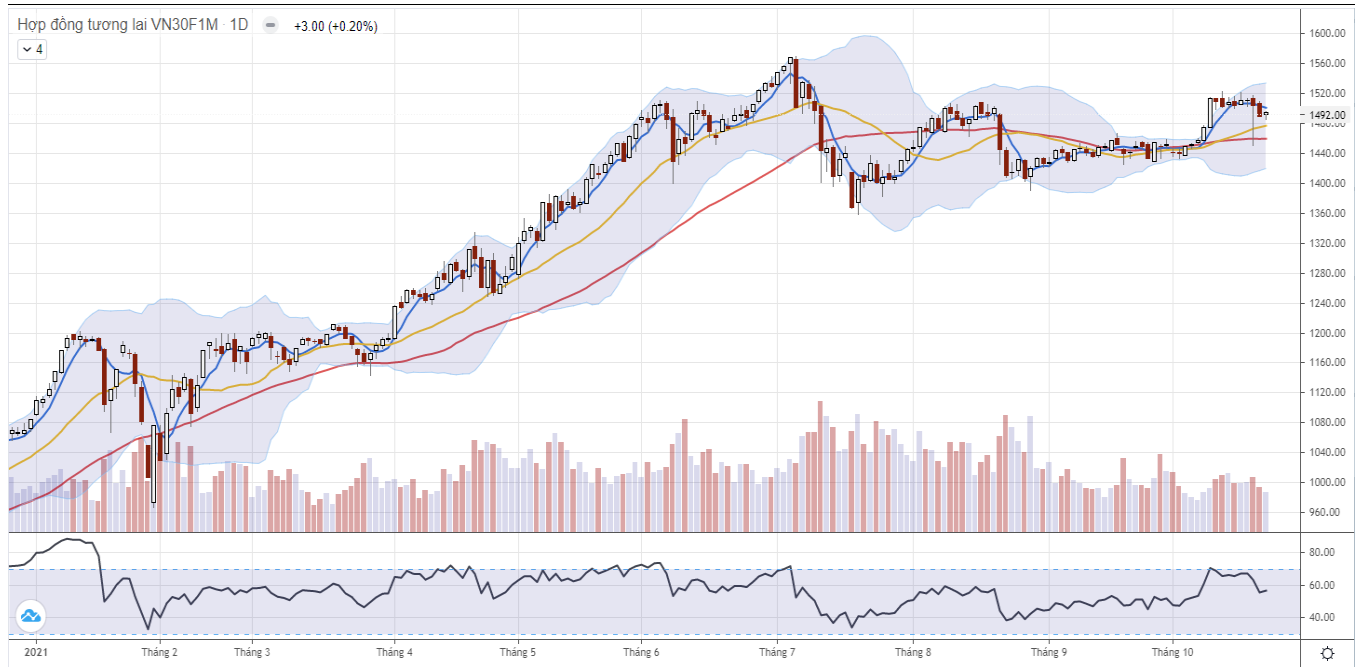
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp hồi phục đầu phiên, VNIndex diễn biến giằng co với các nhịp tăng giảm đan xen trong biên độ hẹp đến cuối phiên.
- Sự hình thành của mẫu nến spinning trung tính cho thấy tương quan cung cầu đang tạm thời cân bằng tại vùng giá đóng cửa và không cung cấp nhiều tín hiệu về mặt xu hướng. Mặc dù khả năng mở rộng thêm nhịp điều chỉnh ngắn hạn vẫn đang để ngỏ, nhưng cơ hội hồi phục sau đó tại vùng hỗ trợ gần 137x vẫn được chúng tôi đánh giá cao.
- NĐT được khuyến nghị nắm giữ vị thế trung hạn và có thể gia tăng tích lũy 1 phần vị thế trading ngắn hạn khi chỉ số về lại vùng hỗ trợ.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

**Kháng cự xa:** 1503 - 1508

**Kháng cự gần:** 1496 - 1498

**Hỗ trợ gần:** 1487 - 1489

**Hỗ trợ xa:** 1475 - 1480

- Sau nhịp hồi phục đầu phiên, F1 diễn biến giằng co điều chỉnh với các nhịp tăng giảm đan xen đến cuối phiên.
- Sự hình thành của một mẫu nến thân ngắn không cung cấp nhiều tín hiệu về mặt xu hướng. Như vậy, mặc dù khả năng mở rộng thêm nhịp điều chỉnh ngắn hạn vẫn đang để ngỏ, nhưng cơ hội hồi phục sau đó tại vùng hỗ trợ gần 147x vẫn được chúng tôi đánh giá cao.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt giao dịch 2 chiều tại các vùng hỗ trợ/kháng cự xa trong phiên.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở một phần vị thế LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ sâu, nhưng đặt STOP chặt

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

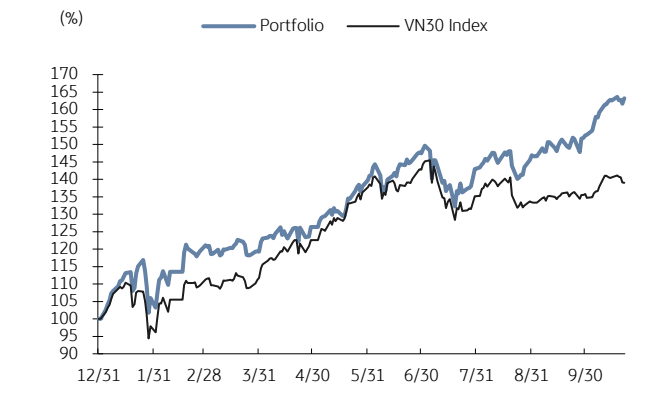
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.04%	0.98%
Tăng lũy kế (YTD)	39.03%	63.19%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 22/10/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	127,600	0.5%	64.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	54,200	6.3%	108.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	99,000	1.0%	27.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	27,900	0.0%	121.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	76,000	1.5%	120.3%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	96,200	-0.5%	232.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	29,650	-0.3%	57.4%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	112,100	-0.1%	52.9%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	56,700	-0.9%	295.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	43,650	2.3%	211.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	1.6%	54.8%	166.8
SSI	-1.3%	43.7%	51.5
PDR	2.4%	3.2%	46.6
VHM	0.1%	22.9%	43.9
VHC	4.0%	24.8%	34.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NLG	6.3%	44.3%	-114.0
PAN	-2.0%	27.2%	-95.5
DPM	-1.0%	10.7%	-70.3
VRE	0.2%	30.1%	-35.5
DXG	3.5%	28.9%	-26.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	0.4%	8.0%	1.3
CEO	7.5%	16.9%	1.1
NDN	1.9%	1.0%	0.7
TV4	7.8%	0.4%	0.6
KLF	-2.0%	1.1%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCS	0.4%	3.7%	-6.4
TNG	0.7%	5.3%	-5.5
NRC	0.9%	7.0%	-2.7
IDJ	7.9%	1.5%	-2.4
DL1	0.9%	1.8%	-2.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	3.1%	VGC, TCD
Ô tô và phụ tùng	1.6%	SVC, HHS
Bảo hiểm	1.6%	BVH, MIG
Hóa chất	1.1%	DPM, PHR
Bất động sản	0.9%	PDR, DIG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	-3.0%	MWG, DGW
Ngân hàng	-1.4%	VCB, CTG
Công nghệ thông tin	-1.4%	FPT, ELC
Thực phẩm và đồ uống	-0.8%	SAB, MSN
Tài nguyên Cơ bản	-0.5%	HPG, HSG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	17.9%	GAS, POW
Bảo hiểm	12.7%	BVH, BMI
Tài nguyên Cơ bản	10.2%	HPG, NKG
Dầu khí	8.0%	PVD, PLX
Xây dựng và Vật Liệu	7.4%	DPG, VGC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	-1.9%	DHG, VMD
Dịch vụ tài chính	-1.6%	SSI, HCM
Thực phẩm và đồ uống	-0.3%	SAB, MSN
Du lịch và Giải trí	0.8%	HVN, SCS
Ngân hàng	1.5%	VCB, CTG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	207,890 (9.1)	22.5	58.4	58.7	14.7	5.0	5.7	3.8	3.6	0.9	-0.9	6.6	-4.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	398,921 (17.5)	26.6	9.8	9.2	35.9	32.9	27.1	2.8	2.1	0.1	-0.9	0.0	13.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	137,438 (6.0)	17.8	27.4	19.2	-7.6	7.2	10.4	2.4	2.3	0.2	0.5	7.7	-2.4
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	220,426 (9.7)	31.3	35.6	19.0	6.7	19.4	17.4	4.3	3.4	1.3	1.3	0.2	114.8
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	112,077 (4.9)	11.6	27.2	20.0	18.0	12.3	14.4	3.1	2.6	1.4	3.9	8.5	71.0
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	114,825 (5.0)	13.9	13.8	9.5	-	14.5	18.5	1.9	1.6	3.4	4.4	16.3	62.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	87,373 (3.8)	6.3	17.8	13.9	11.7	19.7	20.1	3.0	2.4	0.3	-2.3	-5.2	-3.7
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	50,612 (2.2)	12.7	17.0	12.1	-5.3	13.2	16.8	1.8	1.7	-0.5	-0.5	-0.8	-18.0
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	562,362 (24.7)	0.0	11.0	9.2	14.3	20.3	20.0	2.0	1.7	-1.1	-0.6	3.6	66.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	270,589 (11.9)	1.4	10.4	7.8	61.1	18.3	20.5	1.3	1.1	-0.3	-3.3	-5.4	10.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	432,162 (19.0)	0.0	13.0	11.0	18.8	18.5	16.6	2.2	1.8	-0.9	-0.8	0.2	106.0
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	312,874 (13.7)	0.0	8.7	7.1	14.6	22.1	22.3	1.6	1.3	0.0	-1.8	-0.4	65.3
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	55,341 (2.4)	4.2	9.0	7.8	23.3	22.2	21.5	1.6	-	-0.2	-4.3	-3.5	29.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	326,922 (14.4)	14.0	18.0	13.2	26.5	10.3	12.6	1.4	1.3	0.4	-2.4	-1.9	55.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	271,259 (11.9)	0.0	10.2	8.5	37.5	22.6	20.3	2.0	1.6	-1.1	-0.8	7.7	61.2
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	7,611 (0.3)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.9	0.4	-5.6	21.6	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	101,817 (4.5)	21.0	25.4	24.5	15.8	8.7	8.6	2.1	2.0	0.5	0.8	2.2	-8.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	37,548 (1.6)	14.2	17.3	17.8	9.1	12.0	12.0	1.9	1.8	3.5	4.7	3.7	63.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	341,233 (15.0)	55.4	15.0	13.5	-3.2	17.3	17.7	-	-	-1.3	-3.8	-6.2	79.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	254,000 (11.2)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-2.5	-0.6	-2.4	112.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	194,718 (8.6)	52.4	-	-	-25.5	-	-	-	-	-1.4	-1.4	-7.4	56.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	289,823 (12.7)	27.2	11.4	19.3	36.3	-	-	3.8	3.5	-1.5	1.4	-2.2	178.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	324,677 (14.3)	42.1	19.0	17.6	4.0	32.8	34.1	5.8	5.6	1.6	0.6	-1.1	-16.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	19,789 (0.9)	36.9	23.4	19.5	7.3	21.2	23.0	4.5	4.0	3.0	-3.9	-0.9	-19.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	122,832 (5.4)	16.5	48.9	28.5	-51.9	17.5	22.8	8.5	6.6	-0.1	-0.6	-4.7	57.6
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	40,510 (1.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-1.6	-9.2	-48.5	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	113,604 (5.0)	11.0	-	36.9	-88.5	0.4	16.2	-	-	0.0	0.1	6.9	5.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	157,559 (6.9)	10.8	28.9	20.1	-57.0	9.3	12.6	2.5	2.2	-0.8	-2.4	-1.0	52.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	68,578 (3.0)	38.4	36.7	11.6	65.7	3.1	8.4	1.1	1.1	2.1	0.8	11.6	-7.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	66,913 (2.9)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-1.2	1.6	-1.9	120.9
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	120,116 (5.3)	37.7	-	-	-13.2	12.1	12.7	-	-	2.7	0.2	1.9	36.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	17,240 (0.8)	3.6	35.8	17.4	-52.4	1.8	3.7	0.6	0.6	2.8	1.9	3.2	-9.3
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	54,231 (2.4)	0.0	14.3	12.0	-4.5	13.2	14.1	1.8	1.7	1.5	4.1	11.8	55.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	222,572 (9.8)	46.1	23.4	19.0	-17.5	18.5	21.3	4.3	3.9	-0.1	0.1	26.8	29.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	28,904 (1.3)	31.4	17.3	12.9	-10.5	11.1	13.6	1.6	1.7	-0.2	4.5	10.0	-5.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	9,879 (0.4)	34.1	17.7	10.5	-5.1	7.9	13.9	1.5	1.4	-0.4	-1.5	-1.1	-7.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,392,692 (61.2)	18.0	8.2	8.2	21.9	40.2	29.4	2.7	2.0	-0.9	-1.0	11.4	84.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	297,679 (13.1)	36.5	15.6	20.3	-0.5	15.1	10.6	2.1	2.0	-1.0	8.9	33.6	147.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	179,035 (7.9)	46.5	22.1	20.9	-4.5	13.3	13.6	2.6	2.5	-1.8	1.5	35.5	137.1
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	471,137 (20.7)	38.9	5.8	7.9	67.9	47.7	26.8	2.2	1.7	-0.8	-1.5	5.2	143.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	85,725 (3.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.6	-1.2	-2.1	23.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	90,961 (4.0)	4.6	18.0	15.7	-51.0	16.3	17.3	3.2	3.1	-1.1	-1.3	5.6	-3.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	223,250 (9.8)	39.9	801.3	25.6	-11.9	0.0	3.4	0.8	0.8	2.4	10.1	25.5	68.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	131,529 (5.8)	35.9	11.6	10.6	1.2	14.7	13.8	1.6	1.4	0.4	-1.6	3.1	76.4
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	201,579 (8.9)	0.0	19.0	14.7	13.7	24.7	27.4	4.2	3.6	0.5	-3.6	1.5	61.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	57,349 (2.5)	0.0	21.0	17.0	2.4	20.9	23.4	3.9	3.3	1.0	-1.5	6.3	22.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	2,429 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-0.7	-5.6	-66.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	72,661 (3.2)	30.3	39.3	24.5	-75.2	8.0	12.1	3.0	2.9	0.6	0.0	3.9	49.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	32,562 (1.4)	34.6	18.5	10.3	41.2	13.8	26.3	2.3	2.4	-0.5	5.8	10.6	-7.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,866 (0.1)	45.4	17.4	16.4	10.7	19.9	20.3	3.4	3.0	-0.9	0.2	-3.4	-5.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	045 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	0.0	3.1	7.8
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	195,572 (8.6)	0.0	21.6	18.2	15.5	24.3	25.3	4.5	4.1	-0.5	-2.7	3.2	87.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Lê Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng  
tungla@kbsec.com.vn

**Nguyễn Ngọc Hiếu**  
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng  
hieunn@kbsec.com.vn

**Phạm Nhật Anh**  
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics  
anhpn@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.